

Số:                    /BC - BVHTTDL

Hà Nội, ngày        tháng        năm 2020

## **BÁO CÁO**

### **Tổng kết 12 năm thi hành Luật Phòng, chống bạo lực gia đình**

Kính gửi: Chính phủ

Trên cơ sở tổng hợp báo cáo tổng kết 10 năm thi hành Luật Phòng, chống bạo lực gia đình (PCBLGD) năm 2007 của các Bộ, ngành, địa phương và kết quả khảo sát, nghiên cứu, đánh giá các vấn đề liên quan đến Luật này, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng Báo cáo tổng kết 12 năm thi hành Luật PCBLGD với những nội dung chính sau đây:

- Công tác tổ chức thi hành Luật PCBLGD
- Một số kết quả cơ bản đã đạt được
- Một số vấn đề bất cập, hạn chế trong tổ chức thi hành Luật PCBLGD và nguyên nhân
- Đề xuất sửa đổi Luật PCBLGD

### **I. CÔNG TÁC TỔ CHỨC THI HÀNH LUẬT PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH**

#### **1. Xây dựng văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Phòng, chống bạo lực gia đình**

Luật Phòng, chống bạo lực gia đình (PCBLGD) được Quốc hội khóa XII, kỳ họp thứ hai thông qua ngày 21 tháng 11 năm 2007, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2008. Luật PCBLGD gồm 6 chương, 46 điều. Trong đó có 09 điều (Điều 6, Điều 20, Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 29, Điều 36, Điều 37, Điều 38, Điều 39 và Điều 41) giao Chính phủ, các Bộ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành.

Sau khi Luật PCBLGD được ban hành và có hiệu lực, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành hệ thống các văn bản pháp quy hướng dẫn thi hành Luật để triển khai, thực hiện. Cụ thể như sau:

- Chính phủ đã ban hành 08 Nghị định, trong đó có 03 Nghị định trực tiếp hướng dẫn thi hành Luật PCBLGD và 05 Nghị định có lồng ghép về PCBLGD; ban hành 02 Nghị quyết có lồng ghép nội dung về PCBLGD (Phụ lục 1).

- Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 02 Chỉ thị và 11 Quyết định, trong đó có 06 Quyết định quy định trực tiếp và 05 Quyết định quy định lồng ghép nội dung về PCBLGD (Phụ lục 1).

Các Bộ và Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành 19 thông tư, thông tư liên tịch trong đó có 02 thông tư liên tịch, 9 thông tư trực tiếp hướng dẫn thi hành Luật PCBLGD, 05 thông tư liên tịch và 03 thông tư lồng ghép nội dung về PCBLGD (Phụ lục 1).

Hệ thống các văn bản pháp quy nêu trên đã được ban hành kịp thời và góp phần quan trọng đưa Luật PCBLGD vào thực tiễn. Trong quá trình thi hành Luật, một số nội dung hướng dẫn thi hành được rà soát, sửa đổi, bổ sung kịp thời khiến Luật PCBLGD được thực thi hiệu quả và phù hợp với thực tế hơn. Nội dung các văn bản hướng dẫn thi hành Luật về cơ bản đã phù hợp với các cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia và văn bản pháp luật hiện hành.

Trong 12 năm thi hành Luật PCBLGD, các địa phương đã triển khai kịp thời theo đúng chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương trong việc ban hành văn bản và triển khai các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật PCBLGD; các Chương trình, Đề án về PCBLGD. Các tỉnh/thành phố ban hành 768 văn bản gồm Nghị quyết, Chỉ thị, Quyết định, Chương trình, Kế hoạch, văn bản chỉ đạo, điều hành thực hiện công tác PCBLGD.

## **2. Công tác triển khai nhiệm vụ phòng, chống bạo lực gia đình**

### **2.1. Công tác thông tin và tuyên truyền**

Công tác tuyên truyền về PCBLGD là nội dung được Bộ VHTTDL và các Bộ, ngành luôn quan tâm. Từ năm 2008, chiến dịch truyền thông được phát động tại Tây Ninh và Bắc Giang. Sau đó, các hoạt động truyền thông về PCBLGD được thực hiện ở nhiều địa phương với các cấp độ khác nhau. Năm 2017, Bộ VHTTDL đã phát động chiến dịch truyền thông PCBLGD nhân Tháng hành động PCBLGD trên phạm vi toàn quốc.

Bộ VHTTDL cũng phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai Đề án lồng ghép nội dung xây dựng gia đình hạnh phúc và PCBLGD vào chương trình giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân nhằm phát huy hiệu quả phối hợp trong giáo dục của 3 môi trường: gia đình, nhà trường và xã hội. Hướng dẫn 63 tỉnh, thành trên toàn quốc lồng ghép nội dung tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình vào các cuộc họp tổ dân phố; các hoạt động truyền thông cộng đồng tại cơ sở nhằm đưa các quy định của Luật, chính sách của Đảng và Nhà nước tới từng hộ gia đình, từng người dân.

Các Bộ, ngành trong 12 năm qua đã ban hành các đề án, chương trình tuyên truyền về PCBLGD và chỉ đạo các đơn vị tổ chức tuyên truyền về nội dung Luật PCBLGD như Đề án “*Tuyên truyền về xây dựng gia đình và PCBLGD trên các phương tiện thông tin đại chúng đến năm 2020*” của Bộ Thông tin và Truyền thông; Chương trình “*Vì trẻ em*” do Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội chủ trì phát sóng hàng tuần để tuyên truyền về phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em; Viện Kiểm sát nhân dân tối cao chỉ đạo các đơn vị trực thuộc, Viện kiểm sát nhân dân các tỉnh, thành phố tăng cường công tác chỉ đạo, tổ chức các hội nghị chuyên đề phổ biến, quán triệt đến tất cả các cán bộ, công chức trong ngành thực hiện Luật PCBLGD.

Bên cạnh đó, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đã tổ chức các Hội thảo, diễn đàn với các ngành chức năng, các cơ quan thông tấn báo chí nhằm chia sẻ thông tin, tăng cường truyền thông bình đẳng giới và PCBLGD; tổ chức tập huấn về bình đẳng giới và PCBLGD cho các cơ quan truyền thông và ban ngành chủ chốt cấp tỉnh, huyện và cơ sở. Trong 12 năm qua, Hội Liên hiệp phụ nữ các cấp đã biên soạn và phát 3.413.129 tờ rơi, tờ gấp; 11.303 tranh cô động, áp phích; 2.617.819 cuốn tài liệu tuyên truyền liên quan tới xây dựng gia đình. Tổ chức hơn một nghìn hội thảo, tập huấn về PCBLGD cho gần một trăm nghìn lượt người là báo cáo viên, cộng tác viên pháp luật của Hội liên hiệp phụ nữ và tuyên truyền viên tại cộng đồng dân cư.

Trong giai đoạn 2008-2019, Bản tin công tác của Trung ương Hội và Hội Nông dân 63 tỉnh, thành phố đã có 306.178 tin, bài, phóng sự về PCBLGD. Triển khai tập huấn với 1.625 khóa đào tạo cho 105.096 cán bộ Hội Nông dân từ trung ương đến địa phương nhằm nâng cao năng lực truyền thông về PCBLGD, trách nhiệm của nam giới trong PCBLGD. Các cấp hội đã tổ chức 22.141 hoạt động tư vấn với sự tham gia của 844.507 nam nông dân có nguy cơ cao gây BLGD, 29.206 cuộc hội nghị, hội thảo, tọa đàm, mít tinh, giao lưu sân khấu hóa với sự tham gia của 2.919.478 nam nông dân tại gần 8.000 xã, phường, thị trấn trong cả nước. Bên cạnh đó, có 5.438 mô hình truyền thông lồng ghép công tác PCBLGD với vốn vay, tín dụng, tiết kiệm, khuyến nông (195.406 hội viên tham gia); công tác PCBLGD được Hội triển khai tại hơn 70% xã, phường trong cả nước với 443.355 chi, tổ hội tham gia.

Cũng trong giai đoạn này, Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh đã ban hành Đề án “Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng cho thanh, thiếu niên giai đoạn 2013 - 2020”; phối hợp với Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Công an triển khai các nội dung liên quan đến công tác Bình đẳng giới, Hôn nhân và gia đình, PCBLGD, phòng chống nạn xâm hại trẻ em, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật liên quan tới gia đình, xâm hại quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, đặc biệt nữ thanh niên và trẻ em.

Từ cấp tỉnh đến cơ sở đã tổ chức nhiều hình thức tuyên truyền đa dạng trên các phương tiện thông tin đại chúng thông qua các bản tin và bài viết phát trên hệ thống truyền thanh tại xã, phường; tuyên truyền trực quan trên các tấm pano, băng rôn, khẩu hiệu; xây dựng các chuyên trang, chuyên mục nhân các Ngày Gia đình Việt Nam (28/6), Ngày Quốc tế hạnh phúc (20/3), Ngày Quốc tế về xoá bỏ bạo lực chống lại phụ nữ và trẻ em gái (25/11),... Các Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh, thành phố đã phối hợp Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Hội Nhà báo tỉnh làm tốt công tác định hướng tuyên truyền trong các Hội nghị giao ban báo chí định kỳ; ban hành văn bản gửi các cơ quan báo chí địa phương, Đài truyền thanh, truyền hình các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo tuyên truyền sâu rộng PCBLGD...

Các địa phương cũng xây dựng tủ sách pháp luật, tờ rơi về PCBLGD; nhân bản và biên soạn, phát hành các tài liệu nhằm chuyển tải thông điệp xây dựng gia đình hạnh phúc, PCBLGD đến đông đảo người dân. Ngoài ra, các

tỉnh/thành tổ chức các hoạt động tuyên truyền thông qua hình thức văn hoá, văn nghệ: Các Đội thông tin lưu động của tỉnh, huyện xây dựng các chương trình văn nghệ với nội dung đa dạng phong phú, gồm những tiểu phẩm, vở kịch về xây dựng gia đình văn hóa, PCBLGD,... biểu diễn trên địa bàn tỉnh thu hút đông đảo nhân dân đến xem. Tổ chức các Hội thi, liên hoan, tọa đàm, sinh hoạt chuyên đề,... nhân Ngày Gia đình Việt Nam (28/6); Ngày Quốc tế Hạnh phúc (20/3); Ngày Quốc tế xoá bỏ bạo lực với phụ nữ và trẻ em gái (25/11); Ngày Quốc tế Phụ nữ (8/3) và các ngày lễ kỷ niệm khác với sự tham gia của các gia đình và Câu lạc bộ, đội, nhóm.

## **2.2. Công tác phối hợp liên ngành**

Bộ VHTTDL thực hiện nhiệm vụ điều phối liên ngành trong PCBLGD theo quy định của Luật PCBLGD<sup>1</sup>. Bộ đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cơ quan có liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, kế hoạch về PCBLGD; tổng hợp, phân tích về tình hình PCBLGD; tổng kết kinh nghiệm thực tiễn, nhân rộng các Mô hình PCBLGD; biên tập, cung cấp thông tin về PCBLGD.

Bộ VHTTDL đã chủ trì, phối hợp xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ ban hành “Quy chế phối hợp liên ngành về PCBLGD” (Quyết định số 21/2016/QĐ-TTg ngày 17/5/2016). Nội dung phối hợp tập trung vào: Phòng ngừa BLGD; Thực hiện các biện pháp bảo vệ, hỗ trợ nạn nhân BLGD; Thống kê, báo cáo số liệu về PCBLGD; Thanh tra, kiểm tra về PCBLGD. Ban hành Công văn số 5139/BVHTTDL-GĐ ngày 13/12/2016 Hướng dẫn triển khai Quy chế phối hợp liên ngành về PCBLGD.

Việc triển khai Quy chế phối hợp liên ngành đã được thực hiện thống nhất từ Trung ương tới địa phương. Sự thống nhất điều hành cơ chế phối hợp đã phát huy vai trò của cơ quan điều phối, cân đối trong đầu tư nguồn lực, tránh chồng chéo, bỏ trống nhiệm vụ, bảo đảm tính chủ động, kịp thời, nghiêm túc trong thực thi pháp luật và góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về phòng, chống bạo lực gia đình. Một số địa phương, Bộ, ngành đã chủ động triển khai Quy chế, xây dựng kế hoạch và đầu tư nguồn lực tổ chức thực hiện theo các nhiệm vụ được giao.

Tuy nhiên, công tác phối hợp giữa các Bộ, ngành, tổ chức chính trị - xã hội trong PCBLGD còn nhiều khó khăn. Tỷ lệ tỉnh, thành phố có văn bản chỉ đạo và hướng dẫn tổ chức thực hiện Quy chế còn thấp (35%). Công tác phối hợp liên ngành tại địa phương còn lúng túng do sự chỉ đạo thống nhất từ các cơ quan

<sup>1</sup> Khoản 2, 4, 7, 8 Điều 36 Luật PCBLGD (2. Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, kế hoạch về PCBLGD. 4. Chủ trì phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan ban hành và tổ chức thực hiện quy định về bồi dưỡng cán bộ làm công tác PCBLGD. 7. Chủ trì, hướng dẫn công tác tổng hợp, phân tích về tình hình PCBLGD; chỉ đạo thực hiện chế độ báo cáo thống kê về PCBLGD; chỉ đạo tổng kết kinh nghiệm thực tiễn, nhân rộng các mô hình PCBLGD. 8. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc biên tập, cung cấp thông tin về PCBLGD.)

Trung ương chưa thực sự đồng bộ, đặc biệt trong việc triển khai các mô hình PCBLGD và thu thập, tổng hợp thông tin, báo cáo tại cơ sở. Nguồn lực đầu tư cho các hoạt động phối hợp liên ngành, các hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình từ Trung ương tới địa phương còn rất hạn chế. Việc triển khai, thực hiện Bộ chỉ số theo dõi và đánh giá thực hiện Chương trình hành động quốc gia về PCBLGD đến năm 2020 hết sức khó khăn do chưa có mạng lưới cộng tác viên thu thập dữ liệu tại cơ sở.

### **2.3. Công tác đào tạo, bồi dưỡng**

Từ năm 2008 đến nay, Bộ VHTTDL đã tổ chức 20 lớp tập huấn nghiệp vụ, kỹ năng cũng như phổ biến, triển khai các văn bản mới về lĩnh vực gia đình và PCBLGD. Đối tượng tập huấn ngoài công chức trong ngành VHTTDL, còn có đại diện Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh các tỉnh/thành phố tham gia các lớp tập huấn này. Ngoài ra, Bộ VHTTDL còn phối hợp với các cơ quan, tổ chức khác như Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Trung ương Hội Người cao tuổi Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam... tổ chức các lớp tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng về gia đình và PCBLGD.

Việc bồi dưỡng báo cáo viên, giảng viên quốc gia và cấp tỉnh được tập trung thực hiện. Bộ đã tiến hành cấp Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn nghiệp vụ cho 274 học viên của các Bộ, ngành và Sở VHTTDL, Sở Văn hóa và Thể thao các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.

Xây dựng Đề án ngành Gia đình học, thành lập *Khoa Gia đình và Công tác Xã hội* tại Trường Đại học Văn hóa Hà Nội. Đến nay, Khoa Gia đình và Công tác Xã hội đã đào tạo được 3 khóa sinh viên ra trường (Khoảng 100 *sinh viên ra trường*) và 4 khóa đang học với hơn 150 sinh viên.

### **2.4. Hợp tác quốc tế trong phòng, chống bạo lực gia đình**

Thực hiện khoản 6 Điều 36 Luật PCBLGD về hợp tác quốc tế trong PCBLGD, Bộ VHTTDL đã chủ động phối hợp với các tổ chức quốc tế, các đại sứ quán nước ngoài tại Việt Nam vận động kinh phí và tham khảo kinh nghiệm của nước ngoài trong triển khai Luật PCBLGD. Từ năm 2008 đến nay, Bộ đã phối hợp với các cơ quan, tổ chức như: Đại sứ quán Vương quốc Đan Mạch; Cơ quan phát triển quốc tế Đan Mạch-DANIDA; Quỹ Dân số liên hợp quốc tại Việt Nam (UNFPA); Cơ quan-Hợp tác Phát triển Quốc tế Tây Ban Nha (AECID); Quỹ Nhi đồng liên hợp quốc (UNICEF)... trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và triển khai các hoạt động tuyên truyền can thiệp về PCBLGD, tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ công chức trong lĩnh vực gia đình.

Quỹ Dân số Liên hợp quốc tại Việt Nam cũng tài trợ cho Hội Nông dân Việt Nam 1.100.000 USD thông qua Dự án “*Tăng cường vai trò của các tổ chức xã hội Việt Nam trong việc ứng phó bạo lực giới và một số vấn đề dân số cần quan tâm*” và Dự án “*Hỗ trợ xây dựng và triển khai các chính sách, chương trình phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới, bạo lực gia đình và giải quyết vấn đề liên quan đến mại dâm dựa trên bằng chứng và tiếp cận quyền*”

*con người*”. Ngoài ra, Quỹ dân số Liên hợp quốc đã thông qua Hội Nông dân tài trợ 2000 bộ công cụ thiết yếu dành cho phụ nữ có nguy cơ cao bị BLGD do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 tại thành phố Đà Nẵng (ước tính trị giá 2 tỷ đồng).

Các tổ chức quốc tế còn hỗ trợ kinh phí để triển khai các hoạt động tuyên truyền, giáo dục, phổ biến kiến thức, kỹ năng về PCBLGD như: Tổ chức chiến dịch truyền thông PCBLGD cấp quốc gia (năm 2008) phát động 1 triệu chữ ký nói không với BLGD; Tổ chức chiến dịch truyền thông hưởng ứng Ngày Thế giới xóa bỏ bạo lực với phụ nữ và trẻ em gái (25/11) liên tục từ năm 2013 đến năm 2015. Tổ chức khóa học tập kinh nghiệm triển khai các hoạt động can thiệp hỗ trợ nạn nhân BLGD của Thụy Điển cho cán bộ thuộc một số Bộ, ngành và địa phương. Hỗ trợ tăng cường năng lực cho các nhóm hỗ trợ nạn nhân BLGD ở cấp cơ sở, truyền thông trực tiếp tại cấp trung ương và địa phương để hỗ trợ cải thiện chương trình can thiệp và vận động chính sách; xây dựng và triển khai thí điểm Gói can thiệp tối thiểu về PCBLGD (MIP)<sup>2</sup>; rà soát, đánh giá việc thực hiện Luật PCBLGD từ năm 2008 đến năm 2016.

### ***2.5. Hoạt động hỗ trợ, tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình***

Thực hiện nhiệm vụ tại Nghị định số 08/2009/NĐ-CP, Bộ VHTTDL đã ban hành Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân BLGD; cơ sở tư vấn về PCBLGD; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn; chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn PCBLGD.

Mặc dù, khung pháp lý hướng dẫn về thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân BLGD, cơ sở tư vấn về PCBLGD đã tương đối đầy đủ nhưng đến nay chưa có địa phương nào thành lập được các cơ sở nêu trên theo đúng quy định hiện hành. Nguyên nhân là do:

*Thứ nhất:* Năm 2009, Bộ VHTTDL đã khởi động dự án thí điểm *xây dựng cơ sở hỗ trợ nạn nhân BLGD* bằng nguồn kinh phí của Nhà nước và nguồn khác (nếu có) làm mô hình mẫu để triển khai trên diện rộng. Song, dự án không được triển khai do không có kinh phí thực hiện. Tương tự như Trung ương, các địa phương cũng không bố trí được kinh phí để xây dựng và vận hành cơ sở này.

*Thứ hai:* Đầu tư để xây dựng và vận hành cơ sở hỗ trợ nạn nhân BLGD, cơ sở tư vấn về PCBLGD ngoài kinh phí đầu tư ban đầu lớn còn phải có kinh phí để duy trì hoạt động thường xuyên. Việc trợ giúp nạn nhân BLGD hiện nay không được thu phí (phí lợi nhuận). Các chính sách xã hội hóa chưa thu hút sự tham gia của các cá nhân, doanh nghiệp trong xây dựng vận hành các cơ sở nói trên.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân đăng ký thành lập cơ sở nói trên, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL.

<sup>2</sup> MIP đã được thí điểm thành công và được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch lồng ghép trong hoạt động chung của Mô hình PCBLGD do Bộ chỉ đạo triển khai trên phạm vi toàn quốc.

Nhưng đến nay, việc thành lập 2 cơ sở nói trên theo đúng quy định của pháp luật về PCBLGD vẫn chưa được thực hiện.

Nguyên nhân của những bất cập nêu trên là các cơ sở trợ giúp nạn nhân BLGD chưa phát huy được hiệu quả hoặc không được thành lập vì vướng mắc từ những quy định của Luật PCBLGD. Cụ thể là, khoản 6 Điều 8 Luật PCBLGD quy định cấm “*Lợi dụng hoạt động PCBLGD để trục lợi hoặc thực hiện hoạt động trái pháp luật*”. Khoản 1 và khoản 2 Điều 6 quy định “*1. Hằng năm, Nhà nước bố trí ngân sách cho công tác PCBLGD. 2. Khuyến khích cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia, tài trợ cho hoạt động PCBLGD; phát triển các mô hình phòng ngừa BLGD và hỗ trợ nạn nhân BLGD.*” Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn hoạt động trợ giúp nạn nhân của các cơ sở trợ giúp nạn nhân BLGD theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Luật PCBLGD và được quy định tại Chương 5 Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009, trong đó, điểm đáng chú ý là để thành lập cơ sở nói trên thì phải đáp ứng điều kiện như có diện tích tối thiểu 30m<sup>2</sup>, có các cơ sở vật chất tối thiểu, nhân viên phải có chứng nhận về PCBLGD.

Việc quy định không được lợi dụng hoạt động PCBLGD để trục lợi nhưng Luật không quy định rõ trường hợp nào được coi là trục lợi nên không khuyến khích được xã hội hóa nguồn lực tài chính cho công tác này. Mặt khác, quy định về tiêu chuẩn diện tích phòng, trình độ nghiệp vụ của nhân viên,... cũng khiến không chỉ những tổ chức, cá nhân muốn tham gia thành lập cơ sở nói trên mà ngay cơ quan chuyên môn ở cấp tỉnh cũng vướng mắc trong quá trình thực hiện.

Mặt khác, điều kiện đảm bảo, đặc biệt là kinh phí cũng không được hỗ trợ như quy định của pháp luật hiện hành. Các cơ sở khám bệnh, cơ sở chữa bệnh hiện nay cũng chưa có kinh phí dự phòng để trợ giúp nạn nhân BLGD, các nhân viên y tế cũng chưa được đào tạo chuyên môn chăm sóc sức khỏe cho bệnh nhân là nạn nhân BLGD. Cơ sở bảo trợ xã hội hiện nay cũng gặp tình trạng tương tự. Việc quy định đối tượng nạn nhân BLGD tham gia hoạt động bảo trợ xã hội nhưng không có những quy định đặc thù cho nhóm đối tượng này cũng như có chính sách về tài chính, về đào tạo nhân lực dẫn đến việc hỗ trợ nạn nhân BLGD tại các cơ sở này chưa thực sự hiệu quả. Các chính sách của Nhà nước với địa chỉ tin cậy ở cộng đồng đến nay hầu như chưa được các địa phương thực hiện.

Trong khi đó, Hội LHPN Việt Nam tổ chức một số mô hình tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích cho hội viên, phụ nữ trong đó có phụ nữ là nạn nhân của BLGD. Mô hình Tổ trợ giúp pháp lý miễn phí tại nhiều tỉnh thành như Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Đắk Lắk... đã hoạt động khá hiệu quả, kịp thời tư vấn pháp luật, kiến thức PCBLGD cho hội viên, phụ nữ nói chung và nạn nhân BLGD nói riêng. Các cấp Hội đã phối hợp với các ngành thành lập đội can thiệp nhanh tại cơ sở, ngăn chặn kịp thời nhiều vụ BLGD, bảo vệ nạn nhân kết hợp với tư vấn kiến thức, kỹ năng phòng chống BLGD. Mô hình Ngôi nhà bình yên do Trung tâm Phụ nữ và Phát triển thực hiện đã trở thành địa điểm tin cậy trong hỗ trợ phụ nữ và trẻ em bị mua bán, bị BLGD phục hồi và tái hòa nhập cộng đồng.

Do vậy, để nâng cao hiệu quả hoạt động hỗ trợ, tư vấn về PCBLGD ở Việt Nam hiện nay cần sửa đổi những quy định chưa phù hợp với thực tiễn nêu trên trong Luật PCBLGD.

## ***2.6. Công tác tổng hợp, phân tích và thống kê về tình hình bạo lực gia đình***

Để tổng hợp, thu thập thông tin về PCBLGD, Bộ VHTTDL đã ban hành bộ chỉ số thu thập thông tin về gia đình và PCBLGD, sau đó là Thông tư số 23/2011/TT-BVHTTDL quy định về thu thập, xử lý thông tin về gia đình và PCBLGD (năm 2017 ban hành Thông tư số 07/2017/TT-BVHTTDL thay thế cho Thông tư số 23/2011/TT-BVHTTDL).

Bộ VHTTDL đã tổ chức các khóa tập huấn bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác gia đình cấp tỉnh tiếp tục tổ chức tập huấn cho cán bộ cấp huyện và công chức văn hóa-xã hội về chuyên môn nghiệp vụ, trong đó tập trung nội dung xác định hành vi BLGD và thu thập, báo cáo thông tin về BLGD.

Việc tổng hợp thông tin về BLGD hiện nay được thực hiện theo ngành dọc. Mỗi cơ quan, tổ chức có cách tổng hợp theo đối tượng và chức năng, nhiệm vụ của cơ quan/tổ chức nhưng chưa có sự chia sẻ số liệu giữa các ngành dẫn đến sự trùng lặp, rời rạc và không thể khái quát được số liệu chung cho tình hình BLGD ở nước ta hiện nay.

## ***2.7. Công tác thanh tra, kiểm tra***

Hàng năm, Bộ VHTTDL trực tiếp chủ trì, phối hợp hoặc chỉ đạo các đơn vị chức năng thuộc Bộ tổ chức các đoàn kiểm tra định kỳ về tình hình thực hiện công tác gia đình trong đó có PCBLGD<sup>3</sup>. Thông qua các đợt kiểm tra, đoàn kiểm tra của Bộ đã tiếp nhận các kiến nghị của địa phương về những khó khăn trong công tác gia đình và PCBLGD. Căn cứ kết quả và kiến nghị của Đoàn kiểm tra, Bộ VHTTDL đã kịp thời ban hành các văn bản nhằm tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong triển khai chính sách, pháp luật về PCBLGD như sửa đổi Thông tư 02/2010/TT-BVHTTDL; Thông tư 23/2011/TT-BVHTTDL; làm việc với Bộ Tài chính để ban hành Văn bản số 355/BTC-HCSN hướng dẫn về kinh phí hoạt động của các Mô hình PCBLGD; trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế phối hợp liên ngành, Thảng hành động quốc gia PCBLGD ...

Nhìn chung, việc kiểm tra đã nắm bắt kịp thời, giúp các địa phương tháo gỡ những vướng mắc, thúc đẩy việc thực hiện các nhiệm vụ công tác, nâng cao nhận thức và cách thức tiến hành các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực gia đình tại các địa phương.

---

<sup>3</sup> Các cơ quan tham gia kiểm tra gồm: Các Bộ Công an, Tư pháp, Y tế, Thông tin và Truyền thông, Lao động-Thương binh và Xã hội, Văn phòng Chính phủ; Các cơ quan đoàn thể gồm: Ủy ban về các vấn đề xã hội của Quốc hội, Nông dân, Phụ nữ, ...



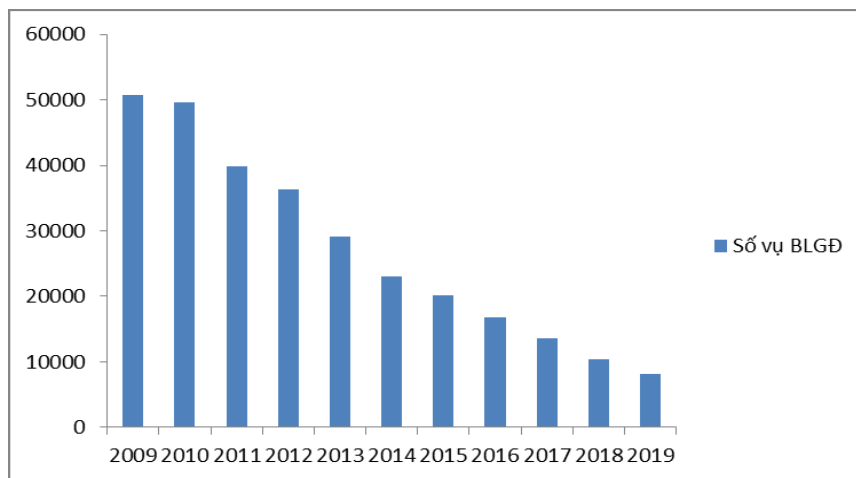
Hầu hết các địa phương đã ban hành và thực hiện việc kiểm tra về công tác gia đình nói chung và PCBLGD nói riêng theo kế hoạch định kỳ 6 tháng, cuối năm và đột xuất.

## II. MỘT SỐ KẾT QUẢ CƠ BẢN ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

### 1. Tình hình bạo lực gia đình có xu hướng giảm

Trong giai đoạn 2009-2019, tổng số vụ BLGD các địa phương đã phát hiện trên cả nước là 297.498 vụ. Trong giai đoạn này, số vụ BLGD giảm dần qua các năm: năm 2009 là 53.206 vụ, giảm xuống còn 20.108 vụ trong năm 2015 và chỉ còn 8.176 vụ trong năm 2019 (Hình 1 và xem thêm ở phụ lục I).

Hình 1. Số vụ bạo lực gia đình trong cả nước giai đoạn 2009-2019



Từ ngày 01/7/2008 đến ngày 31/7/2018 Tòa án nhân dân các cấp đã thụ lý theo thủ tục sơ thẩm 1.422.067 vụ án ly hôn, đã giải quyết 1.384.660 vụ, đạt tỷ lệ 97,4%, còn lại 37.407 vụ đang trong quá trình giải quyết. Trong số 1.384.660 vụ án ly hôn Tòa án đã giải quyết, có 1.060.767 vụ xuất phát từ nguyên nhân BLGD như: bị đánh đập, ngược đãi; vợ hoặc chồng nghiện ma túy, rượu chè, cờ bạc; ngoại tình (chiếm 76,6% các vụ án ly hôn. Báo cáo của ngành Tư pháp cho thấy năm 2014 tiếp nhận hòa giải 31.528 vụ việc BLGD; năm 2015 là 33.966 vụ<sup>4</sup>.

### 2. Vụ việc BLGD được can thiệp, xử lý

Giai đoạn 2009-2019, đã có 33.275 vụ BLGD mà người gây bạo lực được xử lý, trong đó biện pháp góp ý phê bình trong cộng đồng dân cư được áp dụng chủ yếu (24.523 vụ, chiếm khoảng 73,6%); áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc là 977 vụ, các biện pháp giáo dục là 5.532 vụ; tạm giữ xử phạt hành chính là 1.893 vụ và xử lý hình sự 350 vụ. Trong giai đoạn này, có 17.415 người gây bạo lực và 17.841 nạn nhân BLGD được tư vấn về các kiến thức, kỹ năng, hành vi PCBLGD (Phụ lục 4).

Trong hơn 10 năm qua, có khoảng 24.985 nạn nhân BLGD đến các cơ sở khám chữa bệnh, 16330 nạn nhân được các trợ giúp bởi các cơ sở hỗ trợ nạn nhân BLGD và 2726 nạn nhân được các cơ sở bảo trợ xã hội trợ giúp. Bên cạnh

<sup>4</sup> Năm 2016 và 2017 số liệu cung cấp không rõ nên không tách được số vụ hòa giải do BLGD.

đó, các địa chỉ tin cậy ở cộng đồng trên cả nước cũng đã hỗ trợ, giúp đỡ cho 34.263 nạn nhân bị BLGD.

*Bảng 1. Số liệu về can thiệp, xử lý BLGD*

	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019
Số vụ BLGD được xử lý	27276	3871	16493	14353	10252	9410	2008	644
Số người gây BLGD được tư vấn	17415	14696	1176	10977	7058	5906	-	-
Số nạn nhân BLGD được tư vấn	17841	15304	1155	10695	7977	6583	-	-
Số nạn nhân đến cơ sở khám chữa bệnh	8254	4571	4052	3281	2654	2173	-	-
Số nạn nhân đến cơ sở bảo trợ xã hội	527	832	420	385	321	241	-	-
Số nạn nhân đến địa chỉ tin cậy ở cộng đồng	8862	8126	6243	586	5798	4648	-	-

Công tác xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật về BLGD được quan tâm tổ chức thực hiện tại cộng đồng chủ yếu là góp ý, hòa giải, phê bình tại khu dân cư, phạt hành chính bằng hình thức cảnh cáo hoặc phạt tiền; khởi tố hình sự những vụ cố ý gây thương tích, hành hạ người khác, hủy hoại tài sản, giết người. Công tác phát hiện, tố giác, ngăn ngừa, xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật về BLGD chưa được thực hiện đồng bộ, chủ yếu do nạn nhân tố giác. Các biện pháp xử lý vi phạm về PCBLGD như góp ý, hòa giải, phê bình tại cộng đồng, xử phạt hành chính chưa đảm bảo tính răn đe.

Nhìn chung, các địa phương đã nghiêm túc chỉ đạo thực hiện các văn bản, chính sách về PCBLGD, đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCBLGD; tổ chức thanh tra, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện chính sách, pháp luật ở các cấp; thực hiện tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực PCBLGD; chú trọng triển khai Mô hình PCBLGD và Địa chỉ tin cậy ở cộng đồng; phát hiện và xử lý hành chính, hình sự một số trường hợp gây BLGD.

### **3. Nhận thức về PCBLGD, ý thức chấp hành pháp luật về PCBLGD được nâng cao**

Trong 12 năm qua, nhận thức về PCBLGD nói riêng và về vai trò quan trọng của gia đình trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước nói chung đã được thay đổi và nâng cao đáng kể. Các hoạt động tuyên truyền do các cấp, các ngành thực hiện đã giúp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân hiểu rõ hơn về pháp luật PCBLGD. Đề án tuyên truyền giáo dục đạo đức, lối sống trong đó có nội dung PCBLGD được Bộ VHTTDL phối hợp với Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam (VTV1), Đài Truyền hình kỹ thuật số Việt Nam (Kênh VTC16), Báo Gia đình và Xã hội, Báo Văn hóa, Báo Pháp luật Việt Nam, Báo Phụ nữ Việt Nam, Tạp chí Gia đình và Trẻ em,... xây dựng các

chuyên trang, chuyên mục, chương trình tuyên truyền. Năm 2017, Bộ VH TTDL đã xây dựng Trang thông tin điện tử về gia đình và PCBLGD nhằm tăng cường và chủ động hơn trong công tác tuyên truyền về PCBLGD.

Các tỉnh/thành đã xây dựng kế hoạch, chương trình, đề án tại địa phương triển khai các hoạt động tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình; tổ chức các sự kiện truyền thông hưởng ứng Ngày Quốc tế hạnh phúc (20/3), ngày Gia đình Việt Nam (28/6), Tháng hành động quốc gia về PCBLGD (Tháng 6).

Bên cạnh đó, Ban Chỉ đạo công tác gia đình các cấp lồng ghép nội dung PCBLGD vào phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” và “Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới”. Nội dung tuyên truyền đã góp phần phổ biến kiến thức về pháp luật, chính sách về hôn nhân gia đình, PCBLGD, bình đẳng giới, phát triển kinh tế, chăm sóc sức khỏe, giáo dục đạo đức, lối sống cho các thành viên trong gia đình<sup>5</sup>.

Nhìn chung, công tác tuyên truyền, phổ biến Luật đã được triển khai trên diện rộng và được lồng ghép vào các phong trào của từng ngành, đoàn thể gắn với các tiêu chí xây dựng gia đình văn hoá. Mặt khác, công tác phối hợp, tổ chức thực hiện giữa các cấp, các ngành trong công tác tuyên truyền từng lúc, từng nơi chưa đồng bộ do thiếu sự kết hợp chặt chẽ; hình thức tuyên truyền chưa phong phú, còn đơn điệu, chưa đảm bảo về chiều sâu, chủ yếu là lồng ghép trong sinh hoạt khác tại cơ quan, đơn vị và khu dân cư; đội ngũ làm công tác tuyên truyền, vận động thường xuyên thay đổi; mô hình PCBLGD chưa đảm bảo nội dung, thời gian sinh hoạt chưa đều, chưa thu hút được đông đảo thành viên tham gia.

#### **4. Nhân rộng các Mô hình PCBLGD**

Từ năm 2008 đến năm 2010, Bộ VH TTDL đã chủ trì, phối hợp với địa phương xây dựng và đầu tư kinh phí thí điểm Mô hình PCBLGD tại 64 xã/phường/thị trấn thuộc 64 tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương<sup>6</sup>. Cuối năm 2010, Bộ VH TTDL đã tổng kết đánh giá kết quả thí điểm Mô hình. Qua đó cho thấy, năm 2008, tại 64 xã triển khai Mô hình xảy ra 1.071 vụ BLGD giảm xuống 238 vụ (giảm 77,8%) trong năm 2010.

Mặt khác, tại các xã/phường/thị trấn triển khai thí điểm Mô hình không còn xảy ra vụ bạo lực nghiêm trọng. Trước thành công từ Mô hình thí điểm, Bộ VH TTDL đã rà soát, đánh giá, hoàn thiện để hướng dẫn nhân rộng Mô hình đến những xã/phường/thị trấn khác trong địa bàn. Sau 10 năm triển khai thí điểm từ 64 xã/phường/thị trấn đến nay đã có hàng nghìn xã/phường/thị trấn trên toàn quốc chính thức triển khai Mô hình PCBLGD. Theo báo cáo của 61/63 tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương có 9.024 xã/phường/thị trấn có Mô hình PCBLGD, trên tổng số 12.055 xã/phường/thị trấn đạt khoảng 74.85%. Trong đó,

<sup>5</sup> Tỉnh Tiền Giang có diễn đàn “Tuổi trẻ sống đẹp - sống có ích”, “Tuổi trẻ với tư tưởng Hồ Chí Minh”, sinh hoạt của các câu lạc bộ Tiên hôn nhân, câu lạc bộ gia đình trẻ, các cuộc họp của các tổ chức chính trị, xã hội là thành viên Ban chỉ đạo với hàng trăm nghìn lượt người dự.

<sup>6</sup> Thời điểm triển khai tỉnh Hà Tây chưa sáp nhập vào Hà Nội

số xã/phường/thị trấn triển khai Mô hình theo hướng dẫn của Bộ VHTTDL là 6.616 (chiếm 73,31% tổng số Mô hình về PCBLGD đang triển khai); số còn lại do ngành khác hướng dẫn. Theo chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định 215/QĐ-TTg ngày 06 tháng 2 năm 2014 thì đến năm 2020 đạt trên 90% (miền núi khó khăn, vùng sâu, vùng xa đạt trên 70%) số xã, phường, thị trấn nhân rộng mô hình PCBLGD. Như vậy, các địa phương cần phải tiếp tục đẩy mạnh công tác triển khai nhân rộng và duy trì Mô hình trong thời gian tới để đạt được chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ giao.

Hội LHPN Việt Nam cũng tổ chức và nhân rộng các mô hình tư vấn pháp luật trợ giúp pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng cho hội viên. Giai đoạn 2008-2017, các Trung tâm tư vấn pháp luật (14 trung tâm) đã tư vấn được 14.783 cuộc, phổ biến giáo dục pháp luật và tư vấn cho 134.873 người; có 7.848 cơ sở y tế khám chữa bệnh và đón tiếp nạn nhân tạm lánh. Trung ương Hội đã tham vấn nghề và giới thiệu đến các cơ sở học nghề cho 760 lượt người là nạn nhân BLGD.

### **III. MỘT SỐ VẤN ĐỀ BẤT CẬP, HẠN CHẾ TRONG TỔ CHỨC THI HÀNH LUẬT PHÒNG CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH, NGUYÊN NHÂN VÀ GIẢI PHÁP**

#### **1. Một số vấn đề bất cập, hạn chế và nguyên nhân**

##### ***Về các biện pháp phòng ngừa bạo lực gia đình***

Một số khái niệm như hành vi bạo lực gia đình (BLGD), mâu thuẫn, tranh chấp chưa được làm rõ. Các hành vi BLGD chưa phản ánh được đầy đủ những hành vi BLGD đã và đang diễn ra. Nhận diện chưa đầy đủ hành vi BLGD dẫn đến những bất cập trong việc triển khai các biện pháp PCBLGD và thu thập thông tin về BLGD. Trong khi đó, đa số các Luật của Việt Nam hiện hành đều có điều khoản quy định về giải thích từ ngữ trong luật<sup>7</sup>. Các khái niệm về gia đình, thành viên gia đình, các hành vi BLGD, mâu thuẫn, tranh chấp trong gia đình,... cần được làm rõ trong Luật PCBLGD để đảm bảo sự rõ ràng về khái niệm và nhất quán giữa Luật PCBLGD với các văn bản pháp luật khác của Việt Nam hiện nay.

Bên cạnh đó, công tác truyền thông và giáo dục về BLGD chưa phát huy được hiệu quả. Các phương tiện truyền thông hiện nay chủ yếu đưa tin về vụ việc BLGD mà ít những tin bài phổ biến kiến thức PCBLGD, cũng như phê phán hành vi BLGD. Các chương trình giáo dục ngoại khóa nhằm nâng cao nhận thức, phổ biến kiến thức pháp luật về PCBLGD chưa được chú trọng, đặc biệt giáo dục cho người có hành vi BLGD.

Công tác hòa giải trong PCBLGD cũng chưa phát huy được hiệu quả, còn mang nặng thủ tục hành chính. Mặt khác, Luật hiện hành cũng chưa chỉ rõ những hành vi BLGD ở mức độ nào thì thực hiện hòa giải và khi nào thì cần các biện pháp khác. Luật cũng thiếu các quy định về tiêu chí (trình độ, năng lực,

<sup>7</sup> Ví dụ như: Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá 2012, Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019 ; Luật Hôn nhân và GD năm 2014 .

phẩm chất đạo đức) của hòa giải viên và tổ hòa giải.

### ***Về các biện pháp bảo vệ, hỗ trợ và xử lý vi phạm pháp luật trong phòng, chống bạo lực gia đình***

Hiện nay, các thủ tục hành chính và điều kiện để xử lý vụ việc BLGD còn khá phức tạp, nhất là quy định về viết đơn, tố cáo. Nhiều nạn nhân BLGD ngại tiếp xúc với chính quyền vì không biết phải trình bày thế nào, thậm chí bị người gây bạo lực đe dọa nếu viết đơn hoặc tố cáo. Các biện pháp cấm tiếp xúc cũng chưa thực sự bảo vệ nạn nhân BLGD. Khi áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc thì nạn nhân thường là người phải ra khỏi nhà (chủ yếu là phụ nữ, trẻ em, người cao tuổi). Từ đó dẫn đến việc nạn nhân có thể phải chịu bạo lực kép từ gia đình và cả xã hội.

Các cơ sở hỗ trợ nạn nhân BLGD hiện nay hoạt động chưa hiệu quả, đặc biệt một số cơ sở chỉ có tên trong Luật mà chưa có ở thực tiễn sau 12 năm triển khai. Việc hỗ trợ nạn nhân BLGD trong các trường hợp khẩn cấp còn mang nặng thủ tục hành chính và không phù hợp với những trường hợp cần ra khỏi nhà để bảo vệ an toàn tính mạng.

Quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực PCBLGD hiện chưa nhất quán với Bộ Luật Hình sự (2015). Theo đó, Bộ luật Hình sự (2015) quy định “*Người nào xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự của người khác bị phạt cảnh cáo, phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm*”. Xúc phạm nhân phẩm, danh dự của người khác là một dạng bạo lực tinh thần, song, hành vi này đối với thành viên gia đình chỉ bị phạt tiền chỉ từ *500.000 đồng đến 1.500.000 đồng* (Điều 51 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP). Như vậy, quy định về hành vi bạo lực tinh thần trong pháp luật về PCBLGD không còn phù hợp với Bộ Luật hình sự hiện hành.

Hình thức xử phạt đối với người có hành vi BLGD cần có những quy định đặc thù để nâng cao hiệu quả. Trong nhiều trường hợp, nạn nhân bạo lực là người vợ/chồng hoặc bố mẹ là người nộp tiền phạt hoặc phải lấy tiền từ quỹ chi tiêu chung của gia đình để nộp phạt cho người gây BLGD. Điều này khiến cho nạn nhân không muốn tố cáo hành vi BLGD. Nhiều quốc gia trên thế giới đã thay thế phạt tiền người gây BLGD là người vợ/chồng bằng hình thức giáo dục bắt buộc.

### ***Về các biện pháp đảm bảo trong phòng, chống bạo lực gia đình***

Luật hiện hành chưa đưa ra các quy định cụ thể về nội dung quản lý nhà nước về PCBLGD và quy định trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức trong thực thi nhiệm vụ PCBLGD. Trong khi đó, một số Luật của Việt Nam hiện nay quy định rõ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, địa phương. Như Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá (2012) có quy định chi tiết nội dung này tại Điều 6; Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia (2019) quy định vấn đề này tại Điều 33. Bên cạnh đó, Luật quy định “*hàng năm, trong báo cáo của Ủy ban nhân dân trước Hội đồng nhân dân cùng cấp về tình hình kinh tế - xã hội phải có nội dung về tình hình và kết quả PCBLGD tại địa phương*” nhưng đến nay, việc báo cáo theo quy định của Luật vẫn chưa được thực hiện đầy đủ, nghiêm túc. Cũng không có chế tài để xử lý các địa phương không thực hiện quy định này của Luật.

Luật hiện hành quy định về nguồn kinh phí cho công tác PCBLGD nhưng không quy định cụ thể trách nhiệm phân bổ kinh phí dẫn đến hầu hết các địa phương bố trí kinh phí không đủ cho công tác PCBLGD. Việc huy động xã hội hóa công tác PCBLGD cũng chưa có quy định rõ ràng nên chưa đạt hiệu quả. Để bổ sung thêm nguồn kinh phí ứng phó những vấn đề khẩn cấp, một số luật đã cho phép thành lập Quỹ như: Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá (2012); Luật trẻ em (2016); Luật Du lịch (2017) và Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia (2019).

Hiện nay, chưa có quy định hỗ trợ, đền bù thiệt hại cho những người tham gia can ngăn hành vi BLGD. Do vậy, nhiều người đã bị thiệt hại về tài sản, sức khỏe, thậm chí có người đã bị tử vong khi can thiệp, ngăn chặn BLGD song chính họ và gia đình không nhận được hỗ trợ, đền bù xứng đáng.

Công tác khen thưởng tuy đã có hành lang pháp lý nhưng chưa đầy đủ. Số người được biểu dương, khen thưởng trong PCBLGD còn hạn chế, từ đó dẫn đến không khuyến khích được các cá nhân tham gia PCBLGD. Việc khuyến khích tổ chức, cá nhân ngoài nhà nước tham gia cung cấp dịch vụ hỗ trợ nạn nhân BLGD chưa có quy định rõ ràng.

Luật hiện hành cũng chưa có quy định về những chế độ đặc thù đối với công chức, viên chức trực tiếp hoạt động trong công tác PCBLGD. Trong thời gian tới, cần chia tách rõ chế độ cho cán bộ, công chức, viên chức công tác trong cơ quan nhà nước và chế độ cho các thành viên khi tham gia công tác PCBLGD.

## **2. Giải pháp của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

- Xây dựng và trình Chính phủ đề án "*Luật Phòng, chống bạo lực gia đình*" sửa đổi vào năm 2022.

- Xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án "*Xây dựng cơ sở dữ liệu về gia đình và PCBLGD*".

- Ban hành Thông tư của Bộ VHTTDL *Hướng dẫn hoạt động của Mô hình PCBLGD ở cộng đồng*;

- Kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về lĩnh vực gia đình tại Trung ương theo hướng tăng cường nguồn lực, tính chủ động trong quản lý nhà nước về gia đình, PCBLGD; về các loại hình dịch vụ công thuộc lĩnh vực gia đình, đặc biệt là dịch vụ hỗ trợ nạn nhân BLGD và người có nguy cơ cao bị BLGD; thực hiện xã hội hóa trong việc huy động nguồn lực đầu tư cho công tác PCBLGD.

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về PCBLGD cho đội ngũ làm lĩnh vực gia đình trong các cơ quan Trung ương và địa phương.

- Nghiên cứu trình cấp có thẩm quyền cho phép thành lập và vận hành *Quỹ hỗ trợ khẩn cấp nạn nhân BLGD*.

- Nghiên cứu, thí điểm Mô hình phòng, chống khủng hoảng tâm thần cho nạn nhân và người gây BLGD.

- Xây dựng và triển khai Đề án "*Tăng cường sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong giáo dục đạo đức, lối sống và rèn kỹ năng sống cho học sinh, sinh viên*".

- Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra và xử lý các vi phạm pháp luật về PCBLGD.

#### **IV. ĐỀ XUẤT XÂY DỰNG LUẬT PCBLGD (SỬA ĐỔI)**

Trên cơ sở tổng kết, đánh giá quá trình triển khai, thực thi Luật PCBLGD năm 2007, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề xuất xây dựng Luật PCBLGD (sửa đổi) với những nội dung chủ yếu sau:

- Nhận diện được đúng, đầy đủ các hành vi BLGD;
- Quy định rõ nguyên tắc, hình thức, nội dung và đối tượng của truyền thông, giáo dục về PCBLGD;
- Mở rộng phạm vi và nâng cao chất lượng công tác hòa giải trong PCBLGD;
- Nâng cao hiệu quả các biện pháp bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân BLGD;
- Kiện toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ sở trợ giúp nạn nhân BLGD;
- Xác định rõ trách nhiệm quản lý nhà nước và trách nhiệm phối hợp trong triển khai nhiệm vụ PCBLGD;
- Quy định rõ các điều kiện đảm bảo cho công tác PCBLGD, trong đó Hội đồng nhân dân các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương hằng năm trong Nghị quyết phải có danh mục phân bổ kinh phí chi cho lĩnh vực gia đình (trong đó có PCBLGD).
- Khuyến khích xã hội hóa công tác PCBLGD;
- Xây dựng cơ sở dữ liệu về gia đình và PCBLGD./.

#### **Nơi nhận:**

- Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam (*để báo cáo*);
- Các Ủy ban của Quốc hội;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; Tòa án nhân dân tối cao;
- Các cơ quan Trung ương của tổ chức chính trị-xã hội;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương;
- Lưu: VT, GD, Sơn (120).

**BỘ TRƯỞNG**

**Nguyễn Ngọc Thiện**

## PHỤ LỤC

**Báo cáo Tổng kết 12 năm triển khai Luật Phòng, chống bạo lực gia đình**  
(Ban hành kèm Báo cáo số /BC-BVHTTDL ngày tháng năm 2020 của  
Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

### **Phụ lục 1. THỐNG KÊ CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THI HÀNH LUẬT PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH**

#### **A. NGHỊ ĐỊNH, NGHỊ QUYẾT CỦA CHÍNH PHỦ**

1. Nghị định số 68/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục thành lập, tổ chức, hoạt động và giải thể cơ sở bảo trợ xã hội;
2. Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình;
3. Nghị định số 110/2009/NĐ-CP ngày 10/12/2009 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình.
4. Nghị định số 02/2013/NĐ-CP ngày 03/01/2013 của Chính phủ quy định về lĩnh vực gia đình
5. Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình.
6. Nghị định số 79/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
7. Nghị quyết số 81/NQ-CP ngày 04/12/2012 ban hành kế hoạch hành động thực hiện Thông báo Kết luận số 26-TB/TW ngày 09/5/2011 của Ban Bí thư (khóa IX) về việc sơ kết Chỉ thị số 49-CT/TW ngày 21/02/2005 của Ban Bí thư về “xây dựng gia đình thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa”.

#### **B. QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

1. Chỉ thị số 16/2008/CT-TTg ngày 30/5/2008 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức triển khai thi hành Luật Phòng, chống bạo lực gia đình;
2. Quyết định số 629/QĐ-TTg ngày 29/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020 tầm nhìn 2030;
3. Quyết định số 2589/QĐ-TTg ngày 26/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Tổ chức các hoạt động nhân Ngày Quốc tế Hạnh phúc 20/3 hằng năm;
4. Quyết định số 200/QĐ-TTg ngày 25/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án kiện toàn, đào tạo, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ thực hiện lĩnh vực gia đình các cấp đến năm 2020;
5. Quyết định số 215/QĐ-TTg ngày 06/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình đến năm 2020;
6. Quyết định số 279/QĐ-TTg ngày 20/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát huy giá trị tốt đẹp các mối quan hệ trong gia đình và hỗ trợ xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững đến năm 2020;



7. Quyết định số 363/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ quyết định Thảng hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình.

8. Quyết định 21/2016/QĐ-TTg ngày 17 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành quy chế phối hợp liên ngành về phòng, chống bạo lực gia đình.

9. Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 29 tháng 3 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình

10. Quyết định số 1992/QĐ-TTg ngày 11/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể thao và du lịch

### **C. THÔNG TƯ, QUYẾT ĐỊNH LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH**

1. Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn; chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình;

2. Thông tư 12/2011/TT-BVHTTDL ngày 10/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về quy định chi tiết về tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục, hồ sơ công nhận Danh hiệu “Gia đình văn hóa”; “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Ấp văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa” và tương đương. Nội dung thông tư này đưa tiêu chí không có bạo lực gia đình là 1 trong các tiêu chí bình xét gia đình văn hóa;

3. Thông tư liên tịch số 143/2011/TTLT/BTC-BVHTTDL ngày 21/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính và Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chế độ quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước chi cho công tác phòng, chống bạo lực gia đình; kinh phí ngân sách Nhà nước hỗ trợ các cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình, cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình ngoài công lập;

4. Thông tư số 23/2011/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định thu thập, xử lý thông tin về gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình;

5. Thông tư số 24/2011/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về tiêu chuẩn, điều kiện khen thưởng cá nhân, tập thể tham gia phòng, chống bạo lực gia đình; đối tượng, điều kiện, cơ quan hoàn trả thiệt hại về giá trị tài sản cho người trực tiếp tham gia phòng, chống bạo lực gia đình;

6. Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn; chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình.

7. Thông tư liên tịch 13/2016/TTLT-BGDĐT-BVHTTDL-BLĐTBXH-BCA ngày 5 tháng 5 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Công an hướng dẫn thực hiện giáo dục chuyển đổi hành vi về xây dựng gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình trong các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

8. Thông tư số 07/2017/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về thu thập, báo cáo thông tin về gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình.

9. Quyết định số 4415/QĐ-BVHTTDL ngày 16/10/2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Kế hoạch hành động phòng, chống bạo lực gia đình của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giai đoạn 2008-2015;

10. Quyết định số 2879/QĐ-BVHTTDL ngày 27 tháng 6 năm 2008 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc phê duyệt và triển khai Mô hình giai đoạn 2008-2010.

11. Hướng dẫn số 292/HD-BVHTTDL ngày 11 tháng 2 năm 2009 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc hướng dẫn chi tiêu tài chính của Mô hình.

12. Công văn số 328/BVHTTDL-GĐ ngày 16 tháng 2 năm 2009 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc nâng cao chất lượng hoạt động và duy trì Mô hình năm 2009.

13. Công văn số 624/BVHTTDL-GĐ ngày 02 tháng 3 năm 2009 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc duy trì Mô hình năm 2010.

14. Công văn số 2732/BVHTTDL-GĐ ngày 9 tháng 8 năm 2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc Tổng kết Mô hình giai đoạn 2008-2010 tại các địa bàn.

15. Quyết định số 3391/QĐ-BVHTTDL ngày 01/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc phê duyệt “Đề án Tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình Việt Nam giai đoạn 2010-2020”;

16. Kế hoạch số 3625/KH-BVHTTDL ngày 12 tháng 10 năm 2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc tổ chức Hội nghị tổng kết Mô hình giai đoạn 2008-2010 tại 2 miền.

17. Công văn số 1467/BVHTTDL-GĐ ngày 13/5/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc hướng dẫn tổ chức hoạt động của Mô hình phòng, chống bạo lực gia đình;

18. Chương trình phối hợp số 1518/CTPH- BVHTTDL-TWHNCT ngày 18/5/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Trung ương Hội NCT Việt Nam đẩy mạnh các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch của NCT và tham gia xây dựng, phát triển gia đình bền vững giai đoạn 2011 - 2015;

19. Chương trình phối hợp số 195/CTPH- BVHTTDL-CĐVCVN ngày 27/6/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Công đoàn viên chức Việt Nam về việc đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình cho cán bộ, công chức, viên chức lao động thuộc Công đoàn viên chức Việt Nam giai đoạn 2011-2015;

20. Kế hoạch số 3110/KH-BVHTTDL ngày 27/9/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về bình đẳng giới của Ngành văn hóa, thể thao và du lịch giai đoạn 2011-2015;

21. Hướng dẫn số 4404/BVHTTDL-GĐ ngày 22/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc hướng dẫn công tác phối hợp liên ngành trong phòng, chống bạo lực gia đình;

22. Công văn số 1093/BVHTTDL-GĐ ngày 12/4/2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc tổ chức kỷ niệm ngày gia đình Việt Nam và thực hiện nhiệm vụ phòng, chống bạo lực gia đình;

23. Chỉ thị số 2522/CT-BVHTTDL ngày 26/7/2012 Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc tổ chức triển khai thực hiện “Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030”;

24. Quyết định số 2744/QĐ-BVHTTDL ngày 26/7/2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc phê duyệt Chương trình phối hợp chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện “Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030”;

25. Chương trình phối hợp số 4646/CTPH-BVHTTDL-HLHPNVN ngày 27/12/2012 giữa Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch với Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam về việc đẩy mạnh công tác vận động, hỗ trợ phụ nữ tham gia xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững giai đoạn 2012 - 2020.

26. Chương trình phối hợp số 4277/CTPH-BVHTTDL-TWĐTNC SHCM ngày 30/11/2012 giữa Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch với Trung ương Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh về đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho nam, nữ thanh niên về trách nhiệm xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc giai đoạn 2012 - 2015.

27. Công văn số 335/BVHTTDL-GĐ ngày 28/01/2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc thực hiện nhiệm vụ phòng, chống bạo lực gia đình;

28. Quyết định số 438/QĐ-BVHTTDL ngày 28/01/2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Đề án hỗ trợ, chăm sóc đời sống văn hóa, tinh thần đối với NCT giai đoạn 2012-2020;

29. Quyết định số 936/QĐ-BVHTTDL ngày 07/3/2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt Kế hoạch triển khai Tiểu đề án 4 “Tuyên truyền, giáo dục phẩm chất, đạo đức phụ nữ Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước thông qua hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch (giai đoạn 2013-2015)”;

30. Quyết định số 1340/QĐ-BVHTTDL ngày 09/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Kế hoạch triển khai Nghị định số 02/2013/NĐ-CP ngày 03/01/2013 của Chính phủ quy định về lĩnh vực gia đình;

31. Hướng dẫn số 1316/BVHTTDL-GĐ ngày 15/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc Hướng dẫn thành lập Ban chỉ đạo lĩnh vực gia đình;

32. Kế hoạch liên tịch số 759/KH-BVHTTDL-HLHPNVN ngày 12/3/2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam thực hiện Năm Gia đình Việt Nam.

33. Chỉ thị số 146/CT-BVHTTDL ngày 28/6/2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc tăng cường công tác phòng, chống bạo lực gia đình;

34. Quyết định 1092/QĐ-BVHTTDL ngày 11/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện các đề án, chương trình thuộc Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020 tầm nhìn 2030 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

35. Hướng dẫn số 2301/HD-BVHTTDL ngày 14/07/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn triển khai Chương trình hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình đến năm 2020;

36. Công văn số 2268/BVHTTDL-GĐ ngày 10/07/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn triển khai Chương trình hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình đến năm 2020;

37. Công văn số 3192/BVHTTDL-GĐ ngày 16/8/2016 về việc triển khai Quyết định số 1028/QĐ-TTg về ban hành Chương trình giáo dục đời sống gia đình.

38. Quyết định số 4402/QĐ-BVHTTDL ngày 18/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Bộ chỉ số theo dõi và đánh giá thực hiện “Chương trình hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực đến năm 2020”

39. Kế hoạch số 1797/KH-BVHTTDL ngày 28/4/2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về triển khai Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình.

40. Chương trình phối hợp số 4883/CTPH-BVHTTDL-HLHPNVN ngày 23/11/2016 giữa Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Trung ương Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam về thực hiện lĩnh vực gia đình năm 2017.

41. Kế hoạch số 101/KH-BVHTTDL-HLHPNVN ngày 10/01/2017 triển khai Chương trình phối hợp Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam về thực hiện lĩnh vực gia đình.

42. Quyết định số 4843/QĐ-BVHTTDL ngày 08/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc ban hành thí điểm Bộ tiêu chí ứng xử trong gia đình.

43. Chương trình phối hợp số 639/CTPH-BVHTTDL-HLHPNVN ngày 23/02/2018 giữa Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Trung ương Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam về đẩy mạnh các hoạt động văn hóa, gia đình, thể thao và du lịch.

**Phụ lục 2. TÌNH HÌNH BẠO LỰC GIA ĐÌNH**  
**Bảng 1: Số liệu tổng hợp về bạo lực gia đình theo tỉnh/thành phố (số vụ BLGD)**

		Số liệu điều tra 2012			Thống kê theo của các tỉnh/thành							
Vùng Tỉnh		2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019
<b>Toàn quốc</b>		<b>50.771</b>	<b>49.562</b>	<b>39.885</b>	<b>36.678</b>	<b>29.147</b>	<b>22.974</b>	<b>20.108</b>	<b>16.448</b>	<b>13.383</b>	<b>10.366</b>	<b>8.176</b>
<b>Trung du và miền núi phía Bắc</b>	Cao Bằng	177	315	395	309	193	247	238	216	153	146	96
	Lạng Sơn	69	506	585	699	567	451	650	682	664	205	115
	Điện Biên	798	412	478	528	386	343	188	207	178	128	79
	Hà Giang	612	452	588	1048	934	414	602	477	312	162	211
	Phú Thọ	623	738	496	457	465	450	495	260	138	195	138
	Tuyên Quang	433	443	375	316	209	160	123	111	71	-	78
	Bắc Kạn	154	247	183	290	321	224	154	161	125	96	86
	Sơn La	971	1029	1034	867	422	402	359	221	216	227	141
	Quảng Ninh	446	226	374	255	212	236	156	179	182	194	126
	Hoà Bình	27	80	361	398	447	323	520	240	235	275	257
	Lai Châu	12990	8384	3697	1484	352	418	172	237	255	354	195
	Yên Bái	-	651	335	796	554	367	243	176	127	129	125
	Thái Nguyên	74	109	114	426	364	302	237	188	281	180	53
	Lào Cai	277	168	203	146	128	110	181	156	77	58	83
Bắc Giang	1062	950	762	469	373	327	235	180	178	256	58	
<b>Đồng bằng sông Hồng</b>	Hải Phòng	430	217	308	245	410	450	423	400	350	191	126
	Bắc Ninh	344	379	171	158	157	126	122	108	151	176	57
	Hà Nam	45	75	43	46	115	122	51	91	46	30	18
	Hải Dương	332	195	313	46	168	177	94	111	78	87	39

	Hung Yên	238	260	157	181	78	88	106	138	38	60	47
	Thái Bình	1105	1166	1012	662	132	153	213	266	146	199	178
	Vĩnh Phúc	276	276	497	635	552	395	220	235	216	121	175
	Ninh Bình	303	259	269	287	290	252	159	104	100	105	62
	Hà Nội	873	833	779	755	745	519	434	479	459	242	180
	Nam Định	145	98	84	53	215	206	432	608	189	48	45
<b>Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung</b>	Hà Tĩnh	943	921	648	926	620	445	308	122	92	104	68
	Quảng Trị	1958	1761	1632	1036	828	423	432	320	460	734	134
	Phú Yên	149	347	239	375	467	469	274	294	173	145	110
	Bình Định	347	366	342	324	318	208	217	188	185	184	104
	Bình Thuận	-	1759	1743	-	936	779	535	517	236	166	160
	Khánh Hoà	293	237	177	320	336	282	150	135	126	92	75
	Quảng Ngãi	370	365	320	343	338	308	319	359	343	249	-
	Thanh Hoá	4054	3745	3371	3285	2448	2004	1972	1308	1136	864	1184
	Thừa Thiên Huế	-	425	406	429	342	346	338	379	267	371	370
	Nghệ An	717	844	775	1273	924	800	764	727	601	400	429
	Đà Nẵng	334	183	120	239	178	185	137	160	172	132	117
	Quảng Nam	715	663	955	798	374	256	233	181	237	262	168
	Quảng Bình	-		540	423	576	284	191	182	161	131	79
Ninh Thuận	377	345	282	260	245	220	209	174	122	112	152	
<b>Vùng Tây Nguyên</b>	Đắk Nông	147	156	92	377	288	188	213	232	145	86	53
	Kon Tum	365	214	246	362	296	216	215	257	171	-	131
	Gia Lai	3050	3000	3030	3000	1900	1800	1890	500	373	19	169

	Lâm Đồng	772	775	691	737	577	427	396	414	292	340	294
	Đắc Lắc	1780	1390	789	1644	953	845	686	752	601	282	171
<b>Đông Nam Bộ</b>	Đồng Nai	425	777	530	463	189	217	158	109	182	86	42
	Tp. Hồ Chí Minh	364	486	396	237	121	80	43	67	58	26	36
	Bình Dương	368	358	376	513	389	247	196	144	92	111	97
	Tây Ninh	709	562	313	189	120	140	144	135	83	90	30
	Bình Phước	906	973	732	732	465	501	447	407	381	376	384
	Bà Rịa-Vũng Tàu	325	265	247	476	242	72	66	73	71	30	37
	<b>Đồng bằng sông Cửu Long</b>	Cà Mau	630	315	244	246	194	333	277	156	165	96
Long An		1235	1320	1037	670	326	191	100	68	135	122	102
Sóc Trăng		1460	1741	1044	777	682	594	447	536	357	322	188
Đồng Tháp		1998	1588	960	935	747	489	381	235	196	136	92
Bạc Liêu		1101	778	651	429	408	400	139	119	89	52	35
An Giang		66	1568	694	708	456	261	224	135	68	29	64
Kiên Giang		-	1018	1367	1108	688	552	423	160	122	95	90
Cần Thơ		157	161	175	291	249	154	153	99	77	62	62
Hậu Giang		14	15	18	23	38	32	28	32	42	12	-
Tiền Giang		263	246	250	193	173	170	147	159	111	16	20
Vĩnh Long		74	280	224	114	1207	297	151	89	91	50	33
Bến Tre		1351	1011	496	642	465	341	187	115	133	89	41
Trà Vinh		150	136	120	225	255	156	111	178	72	29	17

**Ghi chú:** (-) tương ứng với năm và tỉnh/thành không có báo cáo

### Phụ lục 3.

## NGUYÊN NHÂN BẠO LỰC GIA ĐÌNH

Theo kết quả điều tra, tổng hợp của Bộ VHTTDL từ 63 tỉnh/thành, có 14 nguyên nhân chính (trực tiếp hoặc gián tiếp) dẫn đến BLGD gồm: 1) Nhận thức về pháp luật của người dân còn hạn chế, bao che, không khai báo, sợ chê cười; 2) Nhận thức pháp luật của cán bộ, chính quyền, đoàn thể còn hạn chế; 3) Kinh tế khó khăn; 4) Tệ nạn xã hội (rượu chè, cờ bạc, nghiện ngập); 5) Tư tưởng gia trưởng, bất bình đẳng giới; 6) Người dân thiếu kỹ năng ứng xử trong gia đình; 7) Người dân ít hợp tác, dĩ hoà vi quý; 8) Thiếu cán bộ chuyên trách cấp xã/phường, thiếu cộng tác viên; 9) Cán bộ thiếu kỹ năng tư vấn, hoà giải, truyền thông; 10) Các cấp, các ngành chưa phối hợp hiệu quả; 11) Cộng đồng, chính quyền, đoàn thể thiếu quan tâm, coi BLGD là chuyện riêng tư, chỉ can thiệp khi gây ra hậu quả nghiêm trọng; 12) Kinh phí cho hoạt động PCBLGD còn hạn chế, chế độ cho người hoạt động PCBLGD chưa thoả đáng; 13) Chế tài chưa mạnh, chưa xử lý nghiêm, chưa hợp lý, thiên về hòa giải, phê bình, góp ý; 14) Một số văn bản dưới luật chưa phù hợp với thực tiễn. Trong số những nguyên nhân nêu trên, Bộ VHTTDL lựa chọn 3 nguyên nhân cơ bản nhất theo vùng miền để làm rõ và so sánh cho kết quả như sau:

Vùng miền	Nguyên nhân
Trung du và miền núi phía Bắc	1. Nhận thức về pháp luật của người dân còn hạn chế, bao che, không khai báo, sợ chê cười. 2. Tư tưởng gia trưởng, bất bình đẳng giới. 3. Kinh tế khó khăn và tệ nạn xã hội.
Đồng bằng sông Hồng	1. Tư tưởng gia trưởng, bất bình đẳng giới. 2. Kinh phí cho hoạt động PCBLGD còn hạn chế, chế độ cho người hoạt động PCBLGD chưa thoả đáng; 3. Cán bộ thiếu kỹ năng tư vấn, hoà giải, truyền thông;
Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	1. Nhận thức về pháp luật của người dân còn hạn chế, bao che, không khai báo, sợ chê cười. 2. Cộng đồng, chính quyền, đoàn thể thiếu quan tâm, coi BLGD là chuyện riêng tư, chỉ can thiệp khi gây ra hậu quả nghiêm trọng. 3. Kinh tế khó khăn và tệ nạn xã hội.
Vùng Tây Nguyên	1. Kinh tế khó khăn. 2. Nhận thức về pháp luật của người dân còn hạn chế, bao che, không khai báo, sợ chê cười. 3. Tệ nạn xã hội.
Đông Nam Bộ	1. Kinh tế khó khăn và tệ nạn xã hội. 2. Nhận thức về pháp luật của người dân còn hạn chế, tư tưởng gia trưởng. 3. Cán bộ thiếu kỹ năng tư vấn, hoà giải, truyền thông.
Đồng bằng sông Cửu Long	1. Kinh tế khó khăn, nhận thức về pháp luật còn hạn chế; 2. Tệ nạn xã hội; tư tưởng gia trưởng; 3. Cộng đồng, chính quyền, đoàn thể thiếu quan tâm, coi BLGD là chuyện riêng tư, chỉ can thiệp khi gây ra hậu quả nghiêm trọng.



**Phụ lục 4.****CÁC BIỆN PHÁP CAN THIỆP, XỬ LÝ VỤ VIỆC BLGD**

(Tổng hợp báo cáo từ các địa phương theo Thông tư số 23/2011/TT-BVHTTDL và Thông tư số 07/2017/TT-BVHTTDL)

**Bảng 2: Tổng hợp các biện pháp can thiệp, xử lý vụ việc BLGD**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
<b>1</b>	<b>Biện pháp đã xử lý người gây BLGD</b>									
	Góp ý phê bình trong cộng đồng dân cư	Vụ	24.523	19.426	14.638	13.319	9.430	9.174	6.850	5.602
	Áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc	Vụ	977	1.084	505	440	232	580	170	212
	Áp dụng các biện pháp giáo dục	Vụ	5.532	4.173	2.801	2.817	1.378	975	774	867
	Tạm giữ; xử phạt hành chính	Vụ	1.893	1.864	1.488	1.325	1.066	1.151	785	697
	Xử lý hình sự	Vụ	350	279	190	123	105	125	215	98
<b>2</b>	<b>Số vụ BLGD được xử lý</b>									
	Nạn nhân dưới 16 tuổi	Vụ	2.857	2.121	2.024	1.164	835	628	533	457
	Nạn nhân nữ từ 16-59 tuổi	Vụ	22.727	15.950	13.327	12.123	8.438	8.276	-	-
	Nạn nhân từ đủ 60 tuổi trở lên	Vụ	1.692	1.550	1.142	1.066	979	506	1.475	1.870
<b>3</b>	<b>Tư vấn</b>									
	Số cơ sở tư vấn	Cơ sở	13.927	9.895	9.816	9.503	9.400	9.459	-	-
	Số người gây bạo lực được tư vấn	Người	17.415	14.696	11.760	10.977	7.058	5.906	-	-
	Số nạn nhân BLGD được tư vấn	Người	17.841	15.304	11.550	10.695	7.977	6.583	-	-
<b>4</b>	<b>Chăm sóc y tế</b>									
	Số cơ sở khám chữa bệnh	Cơ sở	9.200	9.087	9.529	10.425	11.129	12.524	-	-
	Số nạn nhân đến cơ sở khám chữa bệnh	Người	8.254	4.571	4.052	3.281	2.654	2.173	-	-

<b>5</b>	<b>Bảo trợ xã hội</b>									
	Số cơ sở bảo trợ xã hội	Cơ sở	829	718	930	844	838	818	-	-
	Số nạn nhân đến cơ sở bảo trợ xã hội	Người	527	832	420	385	321	241	-	-
	Số cơ sở hỗ trợ nạn nhân	Cơ sở	3.417	4.156	4.691	5.142	5.439	5.923	-	-
	Số nạn nhân đến CSHTNN BLGD	Người	3.500	4.793	2.868	2.488	1.354	1.327	-	-
<b>6</b>	<b>Địa chỉ tin cậy</b>									
	Số địa chỉ tin cậy ở cộng đồng	Địa chỉ	23.992	31.857	35.205	41.104	38.790	48.697	48.420	50.290
	Số nạn nhân đến địa chỉ tin cậy ở cộng đồng	Người	8.862	8.126	6.243	5.860	5.798	4.648	-	-

### Phụ lục 5.

## KINH PHÍ THỰC HIỆN TRONG HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH

**Bảng 3: Nguồn vốn ODA tiếp nhận và thực hiện thời kỳ 2008 đến nay (đơn vị tính: theo bản tệ của nhà tài trợ hoặc quy đổi ra USD)**

STT	Tên Dự án/Chương trình/ Hoạt động	Tên đối tác nước ngoài	Kinh phí	Thời gian	Tên đầu mối liên lạc
1	Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức triển khai thi hành Luật PCBLGD	UNFPA Quỹ Dân số Liên hợp quốc	40,693,000 VND (≈ 2.397 USD)	2008	Vụ Gia đình
2	Xây dựng văn bản Nghị định quy định về lĩnh vực gia đình	UNFPA	74.808.000 VND (3.700 USD)	2012	Nt
3	Xây dựng Nghị định Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật PCBLGD	Đan Mạch	221.930.000 VND (11.000. USD)	2009	Nt
4	Xây dựng Nghị định Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực PCBLGD	Đan Mạch	221.930.000 VND (11.000 USD)	2009	Nt
5	Thông tư Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân BLGD; cơ sở tư vấn về PCBLGD; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên	Đan Mạch	34.720.000 VND (2.000 USD)	2010	Nt

	tư vấn; chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn PCBLGD.				
6	Xây dựng Thông tư liên tịch giữa Bộ VHTTDL và Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước chi cho công tác PCBLGD; kinh phí ngân sách Nhà nước hỗ trợ các cơ sở hỗ trợ nạn nhân BLGD, cơ sở tư vấn về PCBLGD ngoài công lập.	UNFPA	230.148.900VND (11.500USD)	2011	Nt
7	Thông tư quy định thu thập, xử lý thông tin về gia đình và PCBLGD	UNFPA	62.400.000 VND (≈ 3.120 USD)	2011	Nt
8	Thông tư Quy định về tiêu chuẩn, điều kiện khen thưởng cá nhân, tập thể tham gia PCBLGD; đối tượng, điều kiện, cơ quan hoàn trả thiệt hại về giá trị tài sản cho người trực tiếp tham gia PCBLGD	UNFPA	47,852,040 VND (2.400 USD)	2011	Nt
9	Hỗ trợ báo cáo đánh giá khía cạnh trẻ em trong thực hiện Chiến lược gia đình Việt Nam 2005 – 2010	UNICEF	≈ 8.800 USD	2010	Nt
10	Phổ biến kết quả phân tích sâu mối quan hệ trong gia đình phục vụ cho xây dựng chiến lược phát triển gia đình Việt Nam 2011-2020	UNICEF	≈ 9.500 USD	2011	Nt
11	Hỗ trợ tập huấn nâng cao năng lực về xây dựng chỉ tiêu, chỉ báo về gia đình trong quá trình lập kế hoạch	UNICEF	≈ 19.500 USD	2011	Nt
12	Dự án Ô	UNFPA	<b>269.441\$</b>		
13	Dự án 8P05	NT	<b>1.700.000\$</b>		
14	Dự án Tây Ban Nha	AECID	<b>490.200EU</b>		

**Bảng 4: Nguồn vốn ODA tiếp nhận và thực hiện thời kỳ 2006 đến nay (đơn vị tính: theo bản tệ của nhà tài trợ hoặc quy đổi ra USD)**

Giai đoạn	ODA KÝ KẾT THEO HIỆP ĐỊNH			ODA GIẢI NGÂN		
	Tổng vốn ODA	Trong đó		Tổng số vốn ODA	Trong đó	
		Viện trợ không hoàn lại	Vốn vay		Viện trợ không hoàn lại	Vốn vay
2006 – 2010	35.197\$	35.197\$	KO	35.197\$	35.197\$	KO
2011 - 2013						
Các hoạt động đơn lẻ	49.760\$	49.760\$	KO	49.760\$	49.760\$	KO
Vnm0014	269.441\$	269.441\$	KO	269.441\$	269.441\$	KO
VNM8P05	1.700.000\$	1.700.000\$	KO	1.700.000\$	113.869\$	KO
AECID	490.200EU	490.200EU	KO	330.298EU	330.298 EU	KO

**Bảng 5: Tổng hợp chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể thao và du lịch giai đoạn 2010-2017**

Đơn vị tính: Triệu đồng

Năm 2010-2017	Kinh phí bố trí lĩnh vực gia đình <i>Mã loại khoản: Sự nghiệp gia đình (130-141)</i>	Kinh phí bố trí lĩnh vực văn hóa <i>Mã loại khoản: Văn hóa – thông tin (160-161)</i>	Kinh phí bố trí lĩnh vực thể thao <i>Mã loại khoản: Thể dục-Thể thao (220-221)</i>	Kinh phí bố trí lĩnh vực du lịch <i>Mã loại khoản : Du lịch (280-322)</i>	Tổng của ngành
2008	3,940	-	-	-	-
2009	3,580	-	-	-	-
2010	4,100	327,800	241,300	46,900	620,1
2011	4,400	586,030	344,190	13,565	948,185
2012	6,600	681,900	348,040	17,540	1.054,08
2013	7,340	753,968	530,410	18,030	1.309,748
2014	7,150	769,500	540,000	45,900	1.362,,55
2015	6,960	798,500	587,000	75,900	1.468,36
2016	5,200	756,930	503,320	70,260	1.335,71
2017	5,200	770,010	551,040	70,500	1.396,75
2018					
2019					
2020					
<b>Tổng 2010-2020</b>	<b>54,470</b>	<b>5.444,638</b>	<b>3.645,3</b>	<b>358.595</b>	<b>9.495,483</b>